

Số: 839 /BC-UBND

U Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

V/v kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn huyện

Thực hiện Kế hoạch số 15/KH-ĐGS ngày 22/10/2021 của Đoàn giám sát Ban kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giám sát việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo như sau:

I. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện (từ năm 2019 đến hết tháng 6 năm 2021)

1. Tình hình triển khai, thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất

Thời gian qua, công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực đất đai trên địa bàn huyện có những chuyển biến tích cực. Việc quản lý sử dụng đất ngày càng hiệu quả, từng bước đi vào nề nếp; công tác chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định pháp luật đã góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng của huyện. Sự quản lý, điều hành của chính quyền địa phương được quan tâm đúng mức nhất là công tác quản lý về chuyển đổi mục đích sử dụng đất; Không để xảy ra tình trạng tùy tiện trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, luôn tuân thủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, không xảy ra trường hợp hộ gia đình, cá nhân tự ý đầu tư cơ sở hạ tầng, tách thửa, phân lô để kinh doanh bất động sản; gây khó khăn trong công tác quản lý đô thị, nông thôn, gây áp lực lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, mất trật tự, mỹ quan đô thị, nông thôn.

2. Tổng chỉ tiêu và kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện

* Thực hiện Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện U Minh.

Chỉ tiêu được giao và kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được phê duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4) *100%
1	Đất nông nghiệp	NNP	68.138,91	68.242,05	103,14	100,15

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được phê duyet	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1.1	Đất trồng lúa	LUA	21.230,05	31.181,48	9.951,43	146,87
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	5.800,40	5.737,39	-63,01	98,91
-	<i>Đất trồng lúa nước còn lại</i>	LUK	15.429,65	25.444,09	10.014,44	164,90
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	73,10	73,10		100,00
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.532,46	4.540,96	8,50	100,19
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	610,29	475,04	-135,25	77,84
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	4.417,94	4.194,55	-223,40	94,94
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	37.099,89	27.601,72	-9.498,17	74,40
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	175,18	175,20	0,02	100,01
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9.016,51	8.913,37	-103,14	98,86
2.1	Đất quốc phòng	CQP	1.624,05	1.687,06	63,01	103,88
2.2	Đất an ninh	CAN	1.742,03	1.741,85	-0,18	99,99
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	210,45	210,51	0,06	100,03
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,87	4,21	-2,66	61,27
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	4,90	4,90		100,00
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.962,86	1.851,80	-111,06	94,34
-	Đất giao thông	DGT	1.471,78	1.467,31	-4,47	99,70
-	Đất thủy lợi	DTL	170,96	64,38	-106,58	37,66
-	Đất công trình năng lượng	DNL	241,21	241,21		100,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được phê duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,95	0,94	-0,01	98,95
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,72	2,72		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH				
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,10	7,10		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	53,44	53,66	0,22	100,41
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	5,90	5,90		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và đào tạo	DKH				
-	Đất chợ	DCH	8,80	8,58	-0,22	97,50
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,16		-0,16	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	50,20	0,20	-50,00	0,39
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	769,02	767,67	-1,35	99,82
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	85,48	84,49	-0,99	98,84
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	33,47	33,88	0,41	101,22
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,35	0,35		100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,58	4,28	-0,30	93,45
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	34,19	34,19		100,00
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,61	1,61		100,00
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,18	1,18		100,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được phê duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích	Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.485,11	2.485,19	0,08	100,00
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
3	Đất chưa sử dụng	CSD				

Các công trình, dự án thực hiện năm 2019

STT	Hạng mục	Loại Đất	Diện tích (ha)	Loại đất được sử dụng	Xã, thị trấn
I	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất (Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND)		6,92		
1	Dự án Khu tái định cư xã Khánh Hội (thuộc Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đê Biển Tây tỉnh Cà Mau)	ONT	6,81	LUK	Khánh Hội
2	Công trình đường dây 110KV mạch 2 từ Trạm 220KV Cà Mau - An Xuyên	DNL	0,11	LUK	Khánh An
II	Công trình, dự án do các phòng, ban, ngành huyện và UBND các xã, thị trấn xác định		3,88		
1	Cầu bắc qua Sông Minh Hà	DGT	0,04	CLN	Khánh An
2	Cầu bắc qua Sông Cái Tàu	DGT	0,08	LUK (0,06); CLN (0,02)	Khánh Thuận
3	Cầu bắc qua Sông Thống Nhất	DGT	0,04	LUK	Khánh Tiến
4	Cầu bắc qua Sông Cầu 3 Thước	DGT	0,07	LUK (0,04); CLN (0,03)	Khánh Lâm
5	Cầu Cây Bàng	DGT	0,07	LUK (0,04); CLN (0,03)	Khánh Lâm
6	Dự án nâng cấp mở rộng Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần tỉnh Cà Mau	DYT	2,55	CLN	Khánh An
7	Chuyển mục đích sử dụng đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,03	CLN	Khánh Lâm
8	Chuyển mục đích sử dụng đất thương	TMD	0,02	CLN	Khánh Thuận

STT	Hạng mục	Loại Đất	Diện tích (ha)	Loại đất được sử dụng	Xã, thị trấn
	mại, dịch vụ				
9	TT. U Minh	ODT	0,24	LUK (0,12); CLN (0,12)	TT. U Minh
10	Khánh Lâm	ONT	0,07	CLN	Khánh Lâm
11	Nguyễn Phích	ONT	0,09	LUK (0,04); CLN (0,05)	Nguyễn Phích
12	Khánh An	ONT	0,53	LUK (0,06); CLN (0,47)	Khánh An
13	Khánh Hội	ONT	0,05	CLN	Khánh Hội
	Tổng		10,80		

Như vậy, trong năm 2019 có 15 công trình, dự án đã thực hiện, tổng diện tích là 10,80 ha, chiếm 27,7% tổng công trình, dự án được phê duyệt, chủ yếu là diện tích từ nhóm đất nông nghiệp sang nhóm đất phi nông nghiệp. Trong đó:

- Có 08/21 công trình, dự án thu hồi đất, diện tích là 9,77 ha, chiếm 38% trên tổng công trình, dự án có thu hồi đất.

- Có 07/33 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất, chủ yếu là chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân, diện tích là 1,03 ha, chiếm 21,2% trên tổng danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất.

Qua rà soát các công trình dự án đã đăng ký 03 năm gồm: Kế hoạch sử dụng đất năm 2017, kế hoạch sử dụng đất năm 2018, kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện U Minh không có danh mục công trình dự án quá 03 năm.

Trong năm 2019, có 110 hộ gia đình, cá nhân được Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cụ thể:

STT	Loại hình chuyển mục đích sử dụng đất	Diện tích (m ²)
1	Trong nội bộ đất nông nghiệp	26.825,1
2	Đất nông nghiệp sang đất ở	14.537,6
3	Đất nông nghiệp sang thương mại dịch vụ	5.256,0

*** Thực hiện Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của huyện U Minh**

Chỉ tiêu được giao và kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt 2020 (ha) ^(*)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	245,32	18,18	-227,14	7,41
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	181,23	8,24	-172,99	4,55
-	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK/PNN	181,23	8,24	-172,99	4,55
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	48,97	1,70	-47,27	3,47
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	15,12		-15,12	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	NNP/NNP	182,20	3,00	-179,20	1,65
2.1	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp khác	RSX/NKH	137,70	3,00	-134,70	2,18
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUK/NKH	44,50		-44,50	
3	Đất phi nông nghiệp chuyển sang đất nông nghiệp	PNN/NNP	63,01	63,01		100,00
3.1	Đất quốc phòng chuyển sang đất chuyên trồng lúa nước	CQP/LUC	63,01	63,01		100,00
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp	PNN/PNN	1,05	0,33	-0,72	31,43
4.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan chuyển sang an ninh	TSC/CAN	0,04	0,04		100,00
4.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan chuyển sang đất thương mại dịch vụ	TSC/TMD	0,37		-0,37	
4.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo chuyển sang đất chợ	DGD/DCH	0,22	0,22		100,00
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp	DGD/DTS	0,05	0,05		100,00
4.5	Đất ở tại nông thôn chuyển sang đất thương mại dịch vụ	ONT/TMD	0,10	0,01	-0,09	10,00
4.6	Đất ở tại nông thôn chuyển sang đất	ONT/DTL	0,23		-0,23	

	thủy lợi				
4.7	Đất ở tại nông thôn chuyển sang đất công trình bưu chính viễn thông	ONT/DBV	0,01	0,01	100,00
4.8	Đất ở tại nông thôn chuyển sang đất cơ sở tôn giáo	ONT/TON	0,03	-0,03	

Các công trình, dự án đã thực hiện năm 2020

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã – thị trấn)
1	Trụ sở công an xã Khánh Tiến	0,04		0,04	Khánh Tiến
2	Dự án đầu tư xây dựng trạm quan trắc nước dưới đất	0,004		0,004	Khánh Hòa
3	Dự án Khu tái định cư xã Khánh Hội (thuộc Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đê Biển Tây tỉnh Cà Mau)	6,81		6,81	Khánh Hội
4	Dự án nuôi heo nái 2.400 con của Công ty TNHH Hải Hòa	12,00		12,00	Khánh An
5	Đường Tắc Thủ - Đá Bạc	0,03		0,03	Khánh An
6	Công trình cấp nước tập trung nông thôn chợ Vàm Cái Tàu	0,05		0,05	Khánh An
7	Cửa hàng Xăng dầu Thúy Đào (Xin thuê đất)	0,04	0,04		Khánh Hội
8	Cửa hàng xăng dầu Đăng Khôi	0,15		0,15	Nguyễn Phích
9	Chuyển mục đích sử dụng đất hộ ông (bà) Nguyễn Vũ	0,03		0,03	Khánh Tiến
10	Chuyển mục đích sử dụng đất hộ ông (bà) Lê Văn Toàn	0,04		0,04	Nguyễn Phích
11	Chuyển mục đích sử dụng đất hộ ông (bà) Lâm Quốc Thống	0,04		0,04	Khánh Hội
12	Bưu điện huyện U Minh	0,01		0,01	Khánh Hội
13	Trường Mầm non Bông Hồng (Giao đất và cấp giấy)	1,00		1,00	Khánh Hội
14	Đấu giá khu đất Trường Mầm Non Hương Tràm làm Chợ tự tiêu tự sản	0,22		0,22	TT. U Minh
15	Dự án xây dựng cầu bắc ngang sông Cái Tàu thị trấn U Minh	1,85		1,85	TT. U Minh

Số TT	Tên công trình, dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã – thị trấn)
	Tổng cộng	13,31	0,04	13,27	

Trong năm 2020, có 66 hộ gia đình, cá nhân được Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cụ thể:

STT	Loại hình chuyển mục đích sử dụng đất	Diện tích (m ²)
1	Trong nội bộ đất nông nghiệp	14.902,2
2	Đất nông nghiệp sang đất ở	6.210,9
3	Đất nông nghiệp sang thương mại dịch vụ	947,9

*** Thực hiện Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện U Minh; Thực hiện Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020; Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 05 tháng 02 năm 2021; Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021; Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2021 về ban hành Danh mục các dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 tỉnh Cà Mau;**

Tính từ đầu năm đến hết tháng 6 năm 2021, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án đầu tư xây dựng mới cầu Nông Trường, Công trình tuyến đường số 02, Nhà máy điện gió 1A và Đường dây 110kV mạch 2 từ trạm 220kV Cà Mau – An Xuyên trên địa bàn xã Khánh An, huyện U Minh. Các dự án trên đều nằm trong Danh mục các dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 tỉnh Cà Mau.

Triển khai thực hiện Quyết định phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, tính từ đầu năm đến hết tháng 6 năm 2021, trên địa bàn huyện có 39 hộ gia đình, cá nhân được Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cụ thể:

STT	Loại hình chuyển mục đích sử dụng đất	Diện tích (m ²)
1	Trong nội bộ đất nông nghiệp	43.255,3
2	Đất nông nghiệp sang đất ở	2.834,1
3	Đất nông nghiệp sang thương mại dịch vụ	234,4

- Tất cả các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện đều thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng quy định.

- Trên địa bàn huyện không xây dựng Phương án sử dụng tầng đất mặt đối với đất trồng lúa chuyển sang mục đích khác.

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định thành lập Tổ công tác thực hiện việc kiểm tra tình hình sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện. Báo cáo kết quả kiểm tra và đề xuất xử lý nếu phát hiện tình trạng sử dụng đất sai mục đích.

- Riêng đối với các dự án có thu hồi đất, công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện giao đất để giao trả mặt bằng để Chủ đầu tư thực hiện dự án được quan tâm sâu sắc. Đến cuối tháng 6 năm 2021 Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư 16 dự án, công trình trên địa bàn huyện với tổng số tiền là 80.819.340.736 đồng trong đó có 233 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện (Thường trực Hội đồng bồi thường huyện) đã tham mưu Ủy ban nhân dân huyện giải quyết dứt điểm đơn, thư yêu cầu khiếu nại của hộ gia đình, cá nhân không xảy ra tình trạng tồn đọng.

3. Đánh giá chung

a) Thuận lợi:

- Được sự quản lý chặt chẽ của Ủy ban nhân dân huyện và các ngành có liên quan trong việc triển khai kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt hàng năm và Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Có sự phối hợp nhịp nhàng của các đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất.

- Ý thức chấp hành pháp luật của hộ gia đình, cá nhân trong quá trình sử dụng đất.

b) Khó khăn:

- Một số dự án, công trình đã có chủ trương của UBND tỉnh, được yêu cầu đưa vào kế hoạch sử dụng đất huyện, nhưng chưa bố trí vốn để thực hiện; một số công trình, dự án đưa vào kế hoạch sử dụng đất mang tính chất định hướng nhằm tranh thủ cơ hội, tạo cơ sở thu hút nhà đầu tư (chưa có nhà đầu tư cụ thể và nguồn vốn đầu tư thực hiện công trình) nên trong năm 2020 vẫn chưa triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch.

- Một số ngành, lĩnh vực chưa thực sự xem trọng công tác xây dựng kế hoạch sử dụng đất. Công tác phân tích thông tin đầu vào, cũng như xác định nhu cầu sử dụng đất hay kế hoạch phát triển còn nhiều hạn chế, chưa đánh giá kỹ tính khả thi của các công trình thực hiện trong kỳ kế hoạch dẫn đến dự báo nhu cầu sử dụng đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chưa sát với thực tế, nhất là các công trình phát triển hạ tầng, dự án khu dân cư, cơ sở thiết chế văn hóa, thể thao, trường học, y tế, ... trong khi nguồn vốn đầu tư hạn chế làm chậm tiến độ thực hiện nên chỉ tiêu thực hiện theo kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất đạt thấp.

4. Đề xuất, kiến nghị

- Nâng cao chất lượng quản lý, thẩm định chặt chẽ nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện; trong đó, đối với các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở tại khu dân cư hoặc để hình

thành các khu dân cư mới phải tuân thủ quy định xây dựng đô thị, quy định điểm dân cư nông thôn đã được phê duyệt.

- Thường xuyên theo dõi tình hình quản lý, sử dụng, tình hình thực tế việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở của các địa phương và những tồn tại, khó khăn, vướng mắc để kịp thời tham mưu việc quản lý chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang mục đích ở đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

II. Tình hình chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn huyện

1. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn huyện

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và kế hoạch sử dụng đất hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Hạt kiểm lâm huyện và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện đến tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân được giao rừng, thuê rừng sử dụng đất mục đích. Trong việc chuyển mục đích sử dụng rừng phải tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Những nơi được chuyển đổi mục đích sử dụng rừng phải có đủ các tiêu chí, điều kiện. Những dự án được chuyển đổi sử dụng rừng phải là các dự án phù hợp với kế hoạch sử dụng đất, phù hợp với kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng; dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hiện trạng diện tích đất rừng và diện tích theo điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 theo Quyết định 139/QĐ-UBND về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch trên địa bàn huyện

Loại đất rừng	Diện tích hiện trạng	Diện tích quy hoạch	Ghi chú
Đất rừng phòng hộ	557,15	536,59	
Đất rừng đặc dụng	4.340,35	4.446,51	
Đất rừng sản xuất	33.374,11	36.676,86	

Thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Hiện trên địa bàn huyện có các dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng rừng cụ thể như sau:

- Dự án Trang trại chăn nuôi 2.400 heo nái sinh sản, do Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hải Hòa làm chủ đầu tư tại ấp 15, xã Khánh An, huyện U Minh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định cho phép chuyển mục đích tại Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020; Chuyển mục đích sử

dụng rừng sản xuất sang sử dụng vào mục đích nông nghiệp với diện tích 68.501,4 m². Chủ đầu tư không tự trồng rừng thay thế mà nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định.

- Dự án xây dựng cơ sở hỏa táng cho đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh có thu hồi và chuyển mục đích đất rừng sản xuất có trong danh mục được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành tại Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021.

Hiện tại, qua rà soát trên địa bàn huyện không có dự án có sử dụng rừng triển khai thực hiện nhưng chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng.

2. Đánh giá chung

Trong quá trình thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng, được sự quan tâm của các cấp có thẩm quyền tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn khi có nhu cầu. Tuy nhiên, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng mất nhiều thời gian do đó ảnh hưởng đến quá trình thực hiện dự án của Chủ đầu tư.

3. Đề xuất và Kiến nghị

- Quản lý chặt chẽ các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng tránh tình trạng chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế theo quy định.

- Xử lý nghiêm tình trạng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác khi chưa đủ các điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định của pháp luật.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn huyện./.

Nơi nhận:

- Ban Kinh tế- Ns HĐND tỉnh;
- Đoàn giám sát theo KH số 15;
- Lưu: VT.



Lê Hồng Chính